

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 03 - 12 - 2019  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Lộc  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Đức Bản
2. Ông Nguyễn Văn Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hoà, thư ký Tòa án.

Ngày 03 tháng 12 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2019/QĐST- HNGĐ ngày 13/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Thanh Ph, sinh năm 1983; địa chỉ: Ngõ, số. Đường H, phường Ph, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê N, sinh năm 1983; địa chỉ: Số , Ngõ, đường L, phường Đ, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Về hôn nhân:

\* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Ph trình bày: Anh và chị Lê N quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2018 tại UBND phường P, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký kết hôn số 05. Sau khi kết hôn cuộc sống của anh, chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do chưa tìm hiểu rõ về nhau, dẫn đến cãi nhau, không quan tâm đến nhau, đã ly thân nhau từ tháng 5/2019 cho đến nay. Nay anh Ph thấy tình cảm giữa anh và chị N không còn thương yêu nhau nên mong muốn được ly hôn.

\* Ý kiến của bị đơn chị N: Quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2018 tại UBND phường P, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký kết hôn số 05. Sau khi kết hôn cuộc sống của vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cãi nhau, không

quan tâm đến nhau hiện vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2018. Nay chị N mong muốn được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Anh Ph, chị N khai chưa có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản: Anh Ph, chị N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên toà, nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Ph có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết việc xin ly hôn giữa anh và chị N, chị N có địa chỉ cư trú tại thành phố Đồng Hới. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật. Nhưng anh Ph có mặt còn chị N đến toà một lần để làm bản tự khai sau đó chị N vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/10/2019 và tổng đạt giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Phúc, chị Na đến tham gia phiên tòa vào ngày 13/11/2019 nhưng anh Ph chị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2019. Sau đó Tòa án tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho anh Ph và chị N để tham gia phiên tòa vào ngày 03/12/2019 nhưng chị N vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị N.

[2]. Về hôn nhân: Anh Trần Thanh Ph và chị Lê N quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2018 tại UBND phường P, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký kết hôn số 05, việc kết hôn của anh, chị đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân giữa anh Ph và chị N là hợp pháp. Tại phiên tòa anh Ph xác định tình cảm của anh đối với chị N hiện nay thật sự không còn thương yêu nhau, không thể xây dựng hạnh phúc gia đình, anh vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị N, còn chị N vắng mặt nhưng theo bản tự khai của chị N ngày 10/7/2019 chị N xác định tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã nhau nên sống ly thân từ cuối năm 2018 cho tới nay nên xin ly hôn. Qua nghị án Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã triệu tập anh Ph và chị N đến để hòa giải việc xin ly hôn giữa anh và chị nhưng chị N vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để trình bày tâm tư nguyện vọng của mình, qua hai lần xét xử chị N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, thể hiện chị không thiết tha gì đối với hôn nhân của mình mà đã bỏ mặc. Tình trạng hôn nhân của anh, chị không thể khắc phục được, đã đến mức trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống không ai quan tâm ai, anh, chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay. Do đó, xử cho anh Ph được ly hôn chị N theo nguyện vọng của anh là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con chung: Anh Ph, chị N khai chưa có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về chia tài sản: Anh Ph, chị N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê N không phải chịu. Anh Trần Thanh Ph phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005350 ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Trần Thanh Ph, chị Lê N không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về điều luật áp dụng: Áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

2. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Thanh Ph và chị Lê N.

3. Về nuôi con chung: Anh Ph, chị N khai chưa có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về chia tài sản: Anh Ph, chị N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê N không phải chịu. Anh Trần Thanh Ph phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005350 ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Trần Thanh Ph, chị Lê N không phải chịu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các Đương sự;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND phường Phú Hải;  
huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Hoàng Văn Lộc**